

TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT VIỆT NAM  
VIETNAM NATIONAL CHEMICAL GROUP  
CÔNG TY CP PIN ẮC QUY MN  
DRY CELL AND STORAGE  
BATTERY JOINT STOCK COMPANY

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness

Số/No.: 152/PA-CBTT

TP.HCM, ngày 10 tháng 03 năm 2026  
HCM City, day 10 month 03 year 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG /  
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE**

Kính gửi/ - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission,*  
To: - Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ *The Ho Chi Minh City Stock  
Exchange.*

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CP PIN ẮC QUY MIỀN NAM

1. Name of the organization: DRY CELL AND STORAGE BATTERY JOINT STOCK COMPANY

- Mã chứng khoán / Stock code: PAC

- Địa chỉ trụ sở chính / Head office address: 321 Trần Hưng Đạo, P. Cô Giang, Q.1, TP.HCM / 321 Tran Hung Dao Street, Co Giang Ward, District 1, Ho Chi Minh City

- Điện thoại / Telephone: 028.39203062 Fax: 028.39203060

- Email: duyhung@pinaco.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố / Contents of disclosure:

Ngày 09/03/2026, Công ty Cổ phần Pin Ắc Quy Miền Nam đã nhận được Thông báo kết quả kiểm toán tại Công ty Cổ phần Pin Ắc Quy Miền Nam số 15/TB-KTNN ngày 05/01/2026 của Kiểm toán Nhà nước.

On March 9, 2026, Dry Cell and Storage Battery Jointstock Company received The notification of Audit Results at Dry Cell and Storage Battery Jointstock Company" No. 15/TB-KTNN dated January 5, 2026, issued by the State Audit Office of Vietnam.

3. Thông báo này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 10/03/2026 tại đường dẫn: [www.pinaco.com.vn](http://www.pinaco.com.vn). /This notification was published on the Company's website on March 10, 2026 as in the link: [www.pinaco.com.vn](http://www.pinaco.com.vn).

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./ We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.

**Đại diện tổ chức**

**Organization representative**

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT  
Legal representative/Person authorized to disclose information

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)  
(Signature, full name, position, and seal)

Tài liệu đính kèm / Attached documents:

- Thông báo số 15/TB-KTNN. /
- Notification No. 15/TB-KTNN.



TỔNG GIÁM ĐỐC  
Lê Văn Năm

KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 15 /TB-KTNN

Hà Nội, ngày 05 tháng 01 năm 2026

**THÔNG BÁO KẾT QUẢ KIỂM TOÁN  
TẠI: CÔNG TY CP PIN ẮC QUY MIỀN NAM**

Kính gửi:

- Chủ tịch HĐQT Công ty CP Pin Ắc quy Miền Nam;
- Tổng giám đốc Công ty CP Pin Ắc quy Miền Nam.

Thực hiện Quyết định số 1390/QĐ-KTNN ngày 28/8/2025 của Tổng Kiểm toán nhà nước về việc kiểm toán Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2024 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam (sau đây viết tắt là Tập đoàn), Tổ Kiểm toán số 4 thuộc Đoàn Kiểm toán nhà nước (KTNN) thuộc Kiểm toán nhà nước chuyên ngành VI đã tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2024 của Công ty Cổ phần Pin Ắc quy Miền Nam (sau đây viết tắt là đơn vị hoặc Công ty hoặc PINACO) từ ngày 4/10/2025 đến ngày 31/10/2025.

Căn cứ Báo cáo kiểm toán của Đoàn kiểm toán đã được phát hành và kết quả kiểm toán tại Biên bản kiểm toán của Tổ kiểm toán tại đơn vị, Kiểm toán nhà nước thông báo kết luận và kiến nghị kiểm toán đối với đơn vị như sau:

**I. KẾT LUẬN KIỂM TOÁN**

Các đánh giá, nhận xét đã được thể hiện trong Biên bản kiểm toán của Tổ kiểm toán được ký với đơn vị ngày 31 tháng 10 năm 2025. Sau đây là kết luận kiểm toán tại đơn vị:

**1. Xác nhận về tính trung thực, hợp lý của báo cáo tài chính**

- Trách nhiệm của Công ty CP Pin Ắc quy Miền Nam: lập và trình bày trung thực, hợp lý báo cáo tài chính theo khuôn khổ về lập và trình bày báo cáo tài chính được áp dụng; thực hiện kiểm soát nội bộ mà Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

- Trách nhiệm của Tổ kiểm toán nhà nước: đưa ra ý kiến độc lập về báo cáo tài chính của đơn vị dựa trên kết quả kiểm toán tại Công ty CP Pin Ắc quy Miền Nam

- Ý kiến xác nhận về tính trung thực, hợp lý của báo cáo tài chính: theo ý kiến của Tổ kiểm toán, ngoại trừ sự ảnh hưởng của giới hạn kiểm toán; những hạn chế, tồn tại nêu tại Biên bản kiểm toán, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính năm 2024 do Công ty lập ngày 28/2/2025 và đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh đã phản ánh trung thực và hợp lý tình



hình tài chính tại thời điểm lập báo cáo, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán và pháp luật có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính (BCTC).

## **2. Về chấp hành pháp luật, chính sách, chế độ tài chính - kế toán, quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công**

Qua chọn mẫu kiểm toán hồ sơ, chứng từ tại Công ty CP Pin Ấc quy Miền Nam cho thấy còn có những hạn chế, tồn tại sau:

### **2.1. Về quản lý tài chính kế toán**

#### **2.1.1. Việc quản lý hàng tồn kho**

Giá trị nguyên vật liệu, vật tư phụ tùng mua từ 2023 trở về trước là 34.316 triệu đồng, chủ yếu là giá trị nguyên vật liệu tồn kho là 2.448 triệu đồng, giá trị thiết bị phụ tùng, công cụ dụng cụ tồn kho là 31.772 triệu đồng, giá trị bán thành phẩm là 95 triệu đồng. Các thiết bị phụ tùng, công cụ dụng cụ còn tồn phần lớn vật tư dự phòng thay thế, hoặc do vật tư khó mua trên thị trường do công nghệ sản xuất theo từng đời sản phẩm nên đơn vị buộc phải mua dự phòng kèm theo, tuy nhiên thực tế cho thấy đơn vị chưa xây dựng định mức vật tư dự phòng theo từng loại cụ thể. Mặc dù đơn vị đã thiết lập và ban hành định mức kinh tế kỹ thuật, song việc chưa xây dựng định mức vật tư dự phòng có thể chưa quản trị tốt thông tin quản lý quá trình mua sắm vật tư, dẫn đến vật tư tồn kho làm giảm hiệu quả sử dụng vốn trong khâu quản lý vật tư sản xuất.

#### **2.1.2. Việc quản lý tài sản cố định (TSCĐ)**

Qua kiểm toán còn có việc hạch toán TSCĐ chưa kịp thời, đầy đủ, đúng qui định về TSCĐ gồm: giá trị xây dựng nền bê tông và mái che của Dự án dây chuyền lắp ráp bình ắc quy VRLA số 5 (đơn vị hạch toán vào chi phí dở dang dù đã hoàn thành sử dụng năm 2024) giá trị 440 triệu đồng; hệ thống phần mềm tin học tường lửa thế hệ mới 561,9 triệu đồng. Kết quả kiểm toán điều chỉnh tăng TSCĐ giá trị là 1.002 triệu đồng theo quy định tại Điều 4 Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

#### **2.1.3. Quản lý các khoản chi phí phải trả ngắn hạn**

Còn tồn tại việc hạch toán chi phí phải trả chưa đúng qui định Chuẩn mực kế toán (CMKT) số 01 ban hành và công bố theo Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về nguyên tắc ghi nhận doanh thu, chi phí đúng kỳ đối với khoản chi phí mua bảo hộ lao động cho năm 2025, đơn vị hạch toán vào chi phí năm 2024, kết quả kiểm toán điều chỉnh giảm khoản chi phí phải trả (đã phân bổ vào chi phí 2024) là 1.994 triệu đồng.

#### **2.1.4. Quản lý thuế và các khoản phải nộp**

Còn tồn tại một số khoản thuế, phí nộp ngân sách nhà nước (NSNN) chưa hạch toán ghi sổ đầy đủ theo CMKT số 01 và nguyên tắc lập cân đối kế toán gồm: số tiền thuế nhà đất đã kê khai, nộp thuế từ năm 2017 là 1.550 triệu đồng; phí môi

trường về pin nộp thừa là 1.000 triệu đồng và các khoản phải nộp khác nộp thừa 105 triệu đồng đang trình bày giảm số thuế phải nộp trên BCTC; số thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp năm 2023, 2024 trên sổ kế toán và BCTC chưa tương ứng với tờ khai quyết toán thuế TNDN. Đơn vị đã phản ánh sai số dư đầu kỳ 2024 tại BCTC về số dư nộp NSNN. Qua kết quả kiểm toán điều chỉnh tăng số dư phải thu, phải nộp nhà nước và cân đối kế toán (BCTC 2024) về phí và lệ phí nộp NSNN, thuế đất và thuế TNDN, cụ thể: các khoản phải thu nhà nước tăng 1.105 triệu đồng; các khoản phải nộp nhà nước tăng tổng số là 6.707 triệu đồng, trong đó số thực tế điều chỉnh tăng thuế phải nộp NSNN năm 2024 và kiến nghị tăng thu là 504,488 triệu đồng theo kết quả kiểm toán, giá trị nộp NSNN còn lại không kiến nghị tăng thu do đơn vị đã kê khai và nộp thuế kịp thời, đầy đủ.

#### 2.1.5. Quản lý thu nhập, doanh thu, chi phí

Về quản lý chi phí: việc quản lý theo dõi và tập hợp chi phí giá thành theo từng công đoạn của quy trình sản xuất được đơn vị ban hành chỉ mới được thể hiện quản lý chi tiết trên hệ thống phần mềm máy tính (Phần mềm quản trị toàn diện SAP) mà chưa thực hiện kết xuất dữ liệu ra các bảng tính cụ thể và tài liệu bản cứng để đảm bảo cho việc kiểm tra đối chiếu và lưu trữ theo từng thời điểm theo yêu cầu kế toán quản trị và kiểm tra BCTC có tính thời điểm.

Ngoài ra còn tồn tại việc theo dõi, hạch toán chưa phù hợp với qui định CMKT số 01 và chế độ kế toán đối với một số khoản chi phí gồm: phân bổ chưa phù hợp chi phí vận chuyển cho hàng chưa xuất bán, hạch toán giá trị nguyên giá TSCĐ chưa đúng nên hạch toán chi phí khấu hao TSCĐ chưa kịp thời, phân bổ chưa đúng chi phí đăng ký nhãn hiệu, trích trước chi phí phải trả chưa đúng... kết quả kiểm toán đã điều chỉnh một số chi phí theo trình bày tại biểu kết quả kinh doanh (chi tiết tại phụ lục 02 kèm theo Thông báo này).

#### 2.2. Việc tuân thủ định mức sản xuất, định mức hao hụt vật tư trong sản xuất sản phẩm, quản lý, hạch toán giá thành sản xuất kinh doanh, quản lý hàng tồn kho

Đơn vị thực hiện quản lý theo dõi và tập hợp giá thành, các định mức sản xuất và hao hụt định mức qua phần mềm giải pháp quản trị toàn diện SAP trên cơ sở đã ban hành định mức kinh tế kỹ thuật, định mức hao hụt của từng công đoạn, của từng loại sản phẩm để theo dõi quản trị chung trên phần mềm phục vụ công tác quản lý. Thực tế đơn vị chưa thực hiện quyết toán định mức tiêu hao nguyên liệu theo từng công đoạn, từng sản phẩm theo kỳ sản xuất (tháng, quý) mà chỉ quyết toán định mức kinh tế kỹ thuật từng loại nguyên liệu tại thời điểm kết thúc năm căn cứ trên số liệu tổng hợp về nguyên vật liệu xuất vào sản xuất cho cả kỳ kế toán năm. Việc không thực hiện quyết toán định mức theo kỳ sản xuất và theo từng sản phẩm có thể sẽ làm giảm hiệu quả quản trị chi phí trong doanh nghiệp.

#### 2.3 Việc bảo toàn, phát triển vốn, việc thoái vốn của DNNN tại các DN khác, hiệu quả hoạt động đầu tư tài chính

Đối với khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết của Công ty tại ngày

31/12/2024 là khoản đầu tư góp vốn vào Công ty Bất động sản Thịnh Phát 32.500 triệu đồng. Nội dung liên quan đến khoản đầu tư, góp vốn này đã được KTNN đã có đánh giá kiến nghị tại các lần kiểm toán trước<sup>1</sup>.

### **3. Việc thực hiện sắp xếp lại cơ sở nhà đất theo Nghị định 167/2017/NĐ-CP (NĐ 167) và Nghị định 67/2021/NĐ-CP (NĐ 67)**

3.1. Việc quản lý, sử dụng, sắp xếp lại và xử lý nhà, đất theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 và Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ giai đoạn 2018-2024

- Về lập báo cáo kê khai và đề xuất phương án sắp xếp lại, xử lý đối với cơ sở nhà đất của đơn vị đang quản lý, sử dụng:

Đến 31/12/2024, Công ty đang quản lý, sử dụng 05 cơ sở nhà, đất (diện tích 19.296,7 m<sup>2</sup>, trong đó diện tích đất tại Thành phố Hồ Chí Minh là 19.104,7 m<sup>2</sup>, diện tích tại Thành phố Đà Nẵng là 192 m<sup>2</sup>), những người đại diện phần vốn của Tập đoàn tại Công ty đã tổng hợp, báo cáo Tập đoàn, tại Báo cáo số 885/HCVN-TCKT ngày 10/6/2019 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam, v/v thực hiện Nghị định 167/2017/NĐ-CP về sắp xếp lại, xử lý tài sản công và Thông tư 37/2018/TT-BTC để tổng hợp, Tập đoàn đã báo cáo Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp (UBQLVNN), theo đó đề xuất phương án sắp xếp lại, xử lý đối với tất cả các cơ sở nhà, đất thuộc phạm vi Công ty quản lý là: Giữ lại, tiếp tục sử dụng.

Công ty đã phối hợp với Tập đoàn, UBQLVNN và địa phương thực hiện kiểm tra hiện trạng các cơ sở nhà đất tại Thành phố Hồ Chí Minh vào các năm 2020 và 2022; đối với cơ sở nhà đất tại Thành phố Đà Nẵng thực hiện kiểm tra hiện trạng nhà đất tại cơ sở nhà, đất: 348 đường Điện Biên Phủ, phường Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng vào năm 2024.

Năm 2022, những người đại diện vốn của Tập đoàn tại Công ty tiếp tục có báo cáo số 570/PA-KTTC ngày 20/09/2022 v/v thực hiện sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo Nghị định số 67/2021/NĐ-CP, tiếp tục đề xuất phương án: giữ lại, tiếp tục sử dụng với tất cả các cơ sở nhà đất của Công ty.

- Việc phê duyệt phương án, thực hiện phương án sắp xếp, xử lý

Năm 2024 Công ty đã được Tập đoàn, UBQLVNN thống nhất phương án sắp xếp cơ sở nhà, đất do Công ty cổ phần Pin Ác quy Miền Nam thuộc Tập đoàn Hóa chất Việt Nam trực tiếp quản lý, sử dụng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng, giữ lại tiếp tục quản lý, cụ thể:

(i) 04 cơ sở nhà, đất tại Thành Phố Hồ Chí Minh (tổng diện tích đất sử dụng là 19.104,7 m<sup>2</sup> trong đó tổng diện tích xây dựng nhà là 10.434,03 m<sup>2</sup> và tổng diện

<sup>1</sup> (i) Khoản đầu tư vào Công ty TNHH Bất động sản Thịnh Phát đã được KTNN đánh giá kiến nghị tại Báo cáo kiểm toán Chuyên đề "Việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất để thực hiện các dự án đầu tư của Tập đoàn Công nghiệp Hóa chất Việt Nam" năm 2018 và Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2018 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam; (ii) Khoản đầu tư vào Công ty TNHH Xalivico đã được KTNN đánh giá kiến nghị tại Báo cáo kiểm toán Chuyên đề "Việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất để thực hiện các dự án đầu tư của Tập đoàn Công nghiệp Hóa chất Việt Nam" năm 2018 và các Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước các niên độ 2018, 2022 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam.

tích sàn sử dụng nhà: 14.088,23 m<sup>2</sup>): UBQLVNN đã có Công văn số 2064/UBQLV-CN, ngày 12/9/2024, gửi UBND Thành phố Hồ Chí Minh, đề xuất phương án sắp xếp đối các cơ sở nhà đất này theo hai hình thức: (i) giữ lại, tiếp tục sử dụng đối với cơ sở nhà đất 21-23 Trần Hưng Đạo, phần diện tích không thuộc phạm vi lộ giới (495,1 m<sup>2</sup>) tại Văn phòng Công ty – 321 Trần Hưng Đạo, cơ sở nhà đất tại 1376 Võ Văn Kiệt; (ii) tạm giữ lại, tiếp tục sử dụng đối với cơ sở nhà đất tại 752 Hậu Giang và phần diện tích đất thuộc phạm vi lộ giới (94,6 m<sup>2</sup>) tại 321 Trần Hưng Đạo.

(ii) 01 cơ sở nhà, đất tại Đà Nẵng có tổng diện tích đất sử dụng là 192 m<sup>2</sup> trong đó tổng diện tích xây dựng nhà là 163,6 m<sup>2</sup> và tổng diện tích sàn sử dụng nhà: 328,7 m<sup>2</sup>: UBQLVNN đã có Công văn số 2140/UBQLV-CN, ngày 20/9/2024, gửi Ủy ban nhân dân Thành phố Đà Nẵng để thống nhất phương án sắp xếp, đề xuất phương án sắp xếp: giữ lại tiếp tục sử dụng.

Đến hết thời gian kiểm toán, các cơ sở nhà đất nêu trên chưa được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng phê duyệt phương án sắp xếp, xử lý.

- Về tình hình sử dụng đất: theo báo cáo, các cơ sở nhà đất do Công ty quản lý thuộc đối tượng phải sắp xếp theo Nghị định 167/2017 và Nghị định 67/2021 được Công ty quản lý không để xảy ra tình trạng lấn chiếm. Cụ thể:

(i) Đối với thửa đất 21-23 Trần Hưng Đạo, phường Bến Thành, TPHCM, Công ty đang sử dụng làm Văn phòng Công ty và cửa hàng bán và giới thiệu sản phẩm, đúng mục đích sử dụng.

(ii) Đối với thửa đất 321 Trần Hưng Đạo, phường Cầu Ông Lãnh, TPHCM, Công ty đang sử dụng làm Văn phòng Công ty và Trung tâm bảo hành đúng mục đích sử dụng.

(iii) Đối với thửa đất tại 348 Điện Biên Phủ, phường Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, Công ty đang sử dụng làm chi nhánh, cửa hàng bán và giới thiệu sản phẩm, đúng mục đích sử dụng.

(iv) Đối với thửa đất tại 752 Hậu Giang, phường Phú Lâm, Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty sau khi di dời phân xưởng sản xuất pin ra khu công nghiệp Tân Tạo. Công ty tiếp tục bảo vệ, tạm thời sử dụng một phần khu đất này làm cửa hàng, văn phòng, kho, bãi xe cho Cán bộ, người lao động làm việc tại các đơn vị trực thuộc của Công ty tại các khu công nghiệp ở tỉnh Đồng Nai. Việc quản lý sử dụng lô đất này đã được đề cập tại Báo cáo kiểm toán Chuyên đề việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất để thực hiện các dự án đầu tư của Tập đoàn Công nghiệp Hóa chất Việt Nam năm 20218. Hiện tại Công ty đang trong quá trình làm thủ tục hoàn trả lại khu đất này cho UBND phường Phú Lâm<sup>2</sup>

<sup>2</sup> Ngày 10/10/2025, Sở Nông nghiệp và Môi trường – UBND Thành phố Hồ Chí Minh đã có văn bản số 8062/SNNMT-QLĐ về kiến nghị thu hồi khu đất tại số 752 Hậu Giang, phường Phú Lâm, theo đó hướng dẫn Công ty liên hệ với UBND phường Phú Lâm để được giải quyết thu hồi đất do không còn nhu cầu sử dụng đất và có đơn tự nguyện trả lại đất theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Đất đai năm 2024. Ngày 27/10/2025, UBND phường Phú Lâm đã có giấy mời số 149/GM-VP để giải quyết kiến nghị về thu hồi đất.

(v) Đối với thửa đất tại 1376 Võ Văn Kiệt, phường Bình Tiên, Thành phố Hồ Chí Minh: Công ty dự kiến xây dựng cửa hàng trưng bày sản phẩm tại đây; hiện tại Công ty đang tiếp tục làm thủ tục xin giấy phép xây dựng.

### 3.2. Về tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với đất đai

Công ty thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tiền thuê đất, thuê sử dụng đất nông nghiệp với Nhà nước theo các thông báo của cơ quan thuế.

### 3.3. Việc quản lý sử dụng đất đai thuê của khu công nghiệp không thuộc diện sắp xếp lại

Đến hết năm 2024, ngoài các khu đất phải thực hiện sắp xếp lại theo Nghị định 167 và Nghị định 67 Công ty có 1 số lô đất chưa đưa vào sử dụng bao gồm: Khu đất tại VSIP Bắc Ninh (20.000 m<sup>2</sup>, thời hạn thuê đến 30/11/2057); khu đất tại Khu công nghiệp An Phước (85.457,9 m<sup>2</sup>, thời hạn thuê đến năm 2062).

Theo tài liệu do Công ty cung cấp, Công ty sẽ sử dụng các cơ sở nhà đất này trong năm 2025 và 2026, cụ thể:

(i) Do Nhà máy Ấc quy Đồng Nai tại khu Công nghiệp Biên Hòa phải di dời nên Công ty đang chuẩn bị sử dụng lô đất tại KCN An Phước để xây dựng nhà xưởng phục vụ công tác di dời.

(ii) Cơ sở đất tại khu công nghiệp VSIP Bắc Ninh (thuê theo hợp đồng thuê lại đất tại khu công nghiệp VSIP Bắc Ninh, Lô đất số 078B/079): Công ty dự kiến thực hiện dự án đầu tư cơ sở gia công và hoàn thiện Ấc quy từ năm 2026.

## II. KIẾN NGHỊ

### 1. Đối với Công ty CP Pin Ấc quy Miền Nam

1.1. Điều chỉnh sổ kế toán và Báo cáo tài chính năm 2024 theo kết quả kiểm toán của kiểm toán nhà nước.

#### 1.2. Kiến nghị về xử lý tài chính

Thực hiện nộp vào NSNN số tiền thuế TNDN tăng thêm qua kiểm toán là 504.488.677 đồng (*Chi tiết Phụ lục số 02, 02a, 05-TBKQKT*).

1.3. Kiến nghị chấn chỉnh, rút kinh nghiệm trong công tác quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công

Công ty CP Pin Ấc quy Miền Nam chấn chỉnh, khắc phục những hạn chế, tồn tại đã được nêu tại Biên bản kiểm toán, Thông báo kết quả kiểm toán này, trong đó tập trung vào các nội dung:

(1) Về quản lý hàng tồn kho: quy định về định mức dự phòng vật tư, thiết bị; khẩn trương có biện pháp để xử lý đối với hàng tồn kho chậm luân chuyển.

(2) Về quản lý các khoản đầu tư tài chính dài hạn: tiếp tục thực hiện kiến nghị của Kiểm toán nhà nước tại các cuộc kiểm toán trước đối với nội dung đầu tư vào Công ty TNHH Bất động sản Thịnh Phát theo đúng quy định, đảm bảo an

toàn, hiệu quả vốn đầu tư và vốn vay.

(3) Việc quản lý và sử dụng đất đai:

- Rà soát nhu cầu sử dụng đất cho các dự án phát triển để có phương án xử lý phù hợp đối với các cơ sở nhà đất còn đang chưa sử dụng<sup>3</sup> đảm bảo đúng quy định của pháp luật hiện hành và tối ưu lợi ích của Công ty.

- Tiếp tục phối hợp với các cơ quan có liên quan để hoàn trả lại diện tích đất không có nhu cầu sử dụng tại cơ sở nhà đất tại 752 Hậu Giang, phường Phú Lâm, Thành phố Hồ Chí Minh theo đúng quy định của pháp luật.

1.4. Ý kiến tư vấn về các giải pháp để hoàn thiện công tác quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công

- Nghiên cứu tổ chức việc thực hiện quyết toán định mức tiêu hao nguyên liệu theo sản phẩm, theo kỳ sản xuất (tháng, quý) nhằm đảm bảo nâng cao hiệu quả trong quản trị sản xuất.

- Rà soát và xem xét, nghiên cứu hệ thống phần mềm quản trị toàn diện (ERP) đảm bảo không bị thiếu các nội dung quản trị kế toán, đặc biệt quản trị giá thành sản xuất và vật tư và các yêu cầu quản trị, kiểm soát tự động cần thiết theo các quy định pháp luật hiện hành nhằm tối ưu hóa hiệu quả sản xuất kinh doanh, đảm bảo kịp thời trong kế toán quản trị.

## 2. Đối với Tập đoàn Hóa chất Việt Nam

Thông qua người đại diện phần vốn của Tập đoàn tại Công ty, chỉ đạo Công ty CP Pin Ác quy Miền Nam thực hiện nghiêm túc, đầy đủ, kịp thời các kết luận, kiến nghị của KTNN đã nêu trong Biên bản kiểm toán và Thông báo kết quả kiểm toán.

Đề nghị Tổng giám đốc Công ty CP Pin Ác quy Miền Nam chỉ đạo Công ty thực hiện nghiêm túc, kịp thời các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước theo Thông báo này và báo cáo kết quả thực hiện về Tập đoàn Hóa chất Việt Nam để tổng hợp báo cáo Kiểm toán nhà nước chuyên ngành VI địa chỉ 116 Nguyễn Chánh, phường Yên Hòa, Hà Nội trước ngày 30/6/2026. Quá thời hạn nêu trên, đơn vị được kiểm toán phải chịu trách nhiệm về hành vi vi phạm quy định về thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán của Kiểm toán nhà nước theo quy định tại Điều 14 của Pháp lệnh Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm toán nhà nước. Trong Báo cáo kết quả thực hiện kiến nghị kiểm toán cần nêu rõ: những kiến nghị đã thực hiện; kiến nghị đang thực hiện; kiến nghị chưa thực hiện (*với những kiến nghị đã thực hiện cần ghi rõ tên bằng chứng, phô tô kèm theo các chứng từ, tài liệu,... để chứng minh; với kiến nghị đang thực hiện và kiến nghị chưa thực hiện phải giải thích rõ lý do*). Khi đơn vị thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước, ghi chép chứng từ theo hướng dẫn tại Phụ lục 01-TBKQKT kèm theo.

<sup>3</sup> Đất thuê tại KCN VSIP Bắc Ninh và cơ sở nhà đất tại 1376 Võ Văn Kiệt, phường Bình Tiên, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thông báo này gồm 08 trang, từ trang 01 đến trang 08 và các phụ lục số 01, 02, 02a, 05 -TBKQKT và Phụ lục 06-SXLTS là bộ phận không tách rời của Thông báo này./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Tập đoàn Hóa chất Việt Nam;
- KTNN chuyên ngành VI;
- Lưu: VT, ĐKT, Tô Kiểm toán.

**TL. TỔNG KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC**  
**KT.KIỂM TOÁN TRƯỞNG KTNN CHUYÊN NGÀNH VI**  
**PHÓ KIỂM TOÁN TRƯỞNG**



**Nguyễn Đình Sơn**

## HƯỚNG DẪN GHI CHÉP CHỨNG TỪ THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ KIỂM TOÁN CỦA KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

1. Đối với kiến nghị tăng thu về thuế, phí, thu khác và các khoản chi sai,... nộp tại Kho bạc Nhà nước: Các chứng từ nộp tiền vào Kho bạc Nhà nước nơi đơn vị được kiểm toán giao dịch (*giấy nộp tiền, ủy nhiệm chi, giấy nộp trả kinh phí, lệnh chuyển có,...*), ngoài việc ghi rõ nội dung kiến nghị kiểm toán, số tiền cụ thể theo quy định, còn phải ghi rõ “*Nộp NSNN thực hiện theo kiến nghị của KTNN niên độ ngân sách năm ..... tại Báo cáo kiểm toán phát hành theo Công văn số . ... /KTNN-TH ngày ... tháng... năm .... tại.... và theo Công văn số .... ngày .../... /... của Kiểm toán nhà nước gửi Kho bạc Nhà nước (Trung ương/ tỉnh hoặc thành phố )*” đồng thời đánh dấu vào ô KTNN trên giấy nộp tiền vào NSNN. Đối với trường hợp kiến nghị cơ quan thuế, hải quan xử phạt, truy thu thuế đối với các đơn vị: Quyết định xử phạt, truy thu của cơ quan quản lý thuế ghi rõ nội dung “*xử phạt, truy thu theo kiến nghị của KTNN niên độ ngân sách năm .....*”; Giấy nộp tiền vào Ngân sách nhà nước ghi rõ: “*Nộp tiền xử phạt, truy thu theo kiến nghị của KTNN niên độ ngân sách năm....*”.

2. Đối với kiến nghị giảm thanh toán vốn đầu tư XD/CB, vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư: Các chứng từ (*Quyết định phê duyệt quyết toán; Hồ sơ thanh toán; Biên bản xác nhận công nợ; Quyết định điều chỉnh dự toán; Hợp đồng điều chỉnh;...*) phải ghi rõ: “*Giảm thanh toán số tiền ..... (số tiền cụ thể) theo kiến nghị của KTNN niên độ ngân sách năm ..... tại Báo cáo kiểm toán phát hành theo Công văn số ..../KTNN-TH ngày ... tháng... năm .... tại.... và theo Công văn số .... ngày .../... /... của Kiểm toán nhà nước/ khu vực... gửi Kho bạc Nhà nước (nếu có)*”. Trường hợp vì lý do nào đó, chứng từ không ghi rõ nội dung, đơn vị được kiểm toán có trách nhiệm đề nghị cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quyết toán xác nhận (trường hợp Dự án đã quyết toán dự án hoàn thành) hoặc văn bản giải trình có xác nhận của chủ đầu tư và bên nhận thầu (trường hợp dự án chưa quyết toán).

3. Đối với kiến nghị giảm dự toán chi thường xuyên: Các quyết định (*giao dự toán, giảm dự toán,...*) phải ghi rõ “*Giảm dự toán số tiền ..... (số tiền cụ thể) theo kiến nghị của KTNN niên độ ngân sách năm ..... tại Báo cáo kiểm toán phát hành theo Công văn số ..../KTNN-TH ngày ... tháng... năm .... tại.... và theo Công văn số .... ngày .../... /... của Kiểm toán nhà nước/khu vực... gửi Kho bạc Nhà nước (nếu có)*. Trường hợp vì lý do nào đó, chứng từ không ghi rõ nội dung, đơn vị được kiểm toán có trách nhiệm đề nghị cơ quan ban hành quyết định trên xác nhận nội dung và số tiền thực hiện kiến nghị của KTNN.

4. Đối với kiến nghị thông qua phương thức bù trừ: Văn bản xác nhận của cơ quan thuế, hải quan ghi rõ “*nội dung và số tiền bù trừ theo kiến nghị của KTNN*”; Tờ khai thuế GTGT thuyết minh rõ “*nội dung số thuế GTGT còn được khấu trừ theo kiến nghị của KTNN*”; Tờ khai thuế TNDN thuyết minh rõ “*số thuế TNDN tăng thêm do thực hiện giảm lỗ theo kiến nghị của KTNN*”; đồng thời ghi rõ “*niên độ ngân sách năm ..... tại Báo cáo kiểm toán phát hành theo Công văn số ..../KTNN-TH ngày ... tháng... năm .... tại.... và theo Công văn số .... ngày .../... /... của Kiểm toán nhà nước gửi Kho bạc Nhà nước (nếu có)*”.



**THUYẾT MINH KẾT QUẢ KIỂM TOÁN TĂNG THU THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**  
**Qua kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2024**  
**tại Công ty CP Pin Ác quy Miền Nam**

Đơn vị tính: đồng.

STT	Đơn vị/chỉ tiêu	Mã số thuế	Số tiền	Thuyết minh nguyên nhân	Ghi chú
A	B	1	2	3	4
<b>I</b>	<b>Thuế TNDN</b>				
1	Công ty CP Pin Ác quy Miền Nam	0300405462	88.285.518	Do doanh thu, chi phí thay đổi theo kết quả kiểm toán làm tăng lợi nhuận, tăng thuế TNDN tương ứng, phân bổ số thuế phải nộp tại các xí nghiệp theo quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 17, Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế	
2	Công ty CP Pin Ác quy Miền Nam – Xí nghiệp Ác quy Đồng Nai	0300405462-001	209.514.148		
3	Công ty CP Pin Ác quy Miền Nam – Xí nghiệp Ác quy Đồng Nai 2	0300405462-026	206.689.011		
	<b>Tổng cộng</b>		<b>504.488.677</b>		

## KIỂM TOÁN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI NGÀY 31/12/2024

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	MS	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
A	B	1	2	3=2-1
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>	<b>1.832.261.785.850</b>	<b>1.833.367.158.298</b>	<b>1.105.372.448</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>200.617.830.195</b>	<b>200.617.830.195</b>	<b>-</b>
1. Tiền	111	170.617.830.195	170.617.830.195	-
2. Các khoản tương đương tiền	112	30.000.000.000	30.000.000.000	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>555.000.000.000</b>	<b>555.000.000.000</b>	<b>-</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	-	-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	555.000.000.000	555.000.000.000	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>191.740.806.102</b>	<b>191.740.806.102</b>	<b>-</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	154.936.408.793	154.936.408.793	-
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	25.979.920.439	25.979.920.439	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	11.720.885.063	11.720.885.063	-
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	(896.408.193)	(896.408.193)	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>696.245.897.537</b>	<b>696.245.897.537</b>	<b>-</b>
1. Hàng tồn kho	141	701.548.787.054	701.548.787.054	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	(5.302.889.517)	(5.302.889.517)	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>	<b>188.657.252.016</b>	<b>189.762.624.464</b>	<b>1.105.372.448</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.646.799.672	5.646.799.672	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	183.010.452.344	183.010.452.344	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	-	1.105.372.448	1.105.372.448
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>	<b>702.519.485.529</b>	<b>703.047.428.916</b>	<b>527.943.387</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>	<b>5.840.446.253</b>	<b>5.840.446.253</b>	<b>-</b>
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.840.446.253	5.840.446.253	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>	<b>394.061.085.307</b>	<b>394.841.100.081</b>	<b>780.014.774</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	353.610.702.820	354.390.717.594	780.014.774
- Nguyên giá	222	1.395.325.533.792	1.396.327.795.749	1.002.261.957
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	(1.041.714.830.972)	(1.041.937.078.155)	(222.247.183)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	31.931.408.443	31.931.408.443	-
- Nguyên giá	225	47.125.644.645	47.125.644.645	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226	(15.194.236.202)	(15.194.236.202)	-

3. Tài sản cố định vô hình	227	8.518.974.044	8.518.974.044	-
- Nguyên giá	228	40.995.029.434	40.995.029.434	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229	(32.476.055.390)	(32.476.055.390)	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	-	-	-
- Nguyên giá	231	-	-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232	-	-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>20.570.467.953</b>	<b>19.705.177.642</b>	<b>(865.290.311)</b>
1. Chi phí SX, KD dở dang dài hạn	241	-	-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	20.570.467.953	19.705.177.642	(865.290.311)
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>32.500.000.000</b>	<b>32.500.000.000</b>	-
1. Đầu tư vào công ty con	251	-	-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	32.500.000.000	32.500.000.000	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>	<b>249.547.486.016</b>	<b>250.160.704.940</b>	<b>613.218.924</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	210.856.810.468	211.470.029.392	613.218.924
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	3.585.532.416	3.585.532.416	-
3. Thiết bị, VTPT thay thế dài hạn	263	35.105.143.132	35.105.143.132	-
4. Tài sản dài hạn khác	268	-	-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>	<b>2.534.781.271.379</b>	<b>2.536.414.587.214</b>	<b>1.633.315.835</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>	<b>1.565.895.833.608</b>	<b>1.570.608.435.103</b>	<b>4.712.601.495</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	<b>1.550.850.787.215</b>	<b>1.555.563.388.710</b>	<b>4.712.601.495</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	133.532.968.260	133.532.968.260	-
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	37.088.697.615	37.088.697.615	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	7.810.222.761	14.517.324.256	6.707.101.495
4. Phải trả người lao động	314	80.487.268.855	80.487.268.855	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18.111.676.448	16.117.176.448	(1.994.500.000)
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	28.105.033.710	28.105.033.710	-
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	1.206.974.054.267	1.206.974.054.267	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	11.090.279.515	11.090.279.515	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	27.650.585.784	27.650.585.784	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>	<b>15.045.046.393</b>	<b>15.045.046.393</b>	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	1.909.600.000	1.909.600.000	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	13.135.446.393	13.135.446.393	-
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>968.885.437.771</b>	<b>965.806.152.111</b>	<b>(3.079.285.660)</b>

<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>968.885.437.771</b>	<b>965.806.152.111</b>	<b>(3.079.285.660)</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	464.717.070.000	464.717.070.000	-
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	464.717.070.000	464.717.070.000	-
- Cổ phiếu ưu đãi	411b	-	-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	1.584.699.224	1.584.699.224	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	389.208.670.171	389.208.670.171	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	113.374.998.376	110.295.712.716	<b>(3.079.285.660)</b>
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	9.983.882.119	3.929.924.097	(6.053.958.022)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	103.391.116.257	106.365.788.619	2.974.672.362
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422	-	-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431	-	-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432	-	-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>	<b>2.534.781.271.379</b>	<b>2.536.414.587.214</b>	<b>1.633.315.835</b>

**\* Nguyên nhân chênh lệch:**

<b>TÀI SẢN TĂNG</b>	<b>1.633.315.835 đ</b>
<b>1 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước tăng</b>	<b>1.105.372.448 đ</b>
- Do kết quả kiểm toán thay đổi	1.105.372.448 đ
<b>2 Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tăng</b>	<b>1.002.261.957 đ</b>
Tăng TSCĐ là hệ thống tường lửa thế hệ mới do đủ điều kiện ghi nhận TSCĐ đủ điều kiện ghi nhận là TSCĐ theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC	561.937.000 đ
Tăng TSCĐ thi công nền đồ bê tông và mái che tạm thuộc Dự án dây chuyên lắp ráp bình ắc quy VRLA số 5 do đơn vị chưa hạch toán kịp thời theo nguyên tắc kịp thời của Chuẩn mực kiểm toán số 01	440.324.957 đ
<b>3 Giá trị hao mòn TSCĐ hữu hình tăng</b>	<b>222.247.183 đ</b>
Giá trị khấu hao tương ứng với tăng TSCĐ là hệ thống tường lửa thế hệ mới theo quy định tại Điều 38 Thông tư 200/TT-BTC	173.027.297 đ
Khấu hao TSCĐ tương ứng tăng với phần nền đồ bê tông và mái che tạm thuộc Dự án dây chuyên lắp ráp bình ắc quy VRLA số 5 theo quy định tại Điều 38 Thông tư 200/TT-BTC	49.219.886 đ
<b>4 Chi phí xây dựng dở dang giảm</b>	<b>865.290.311 đ</b>
Tăng TSCĐ thi công nền đồ bê tông và mái che tạm thuộc Dự án dây chuyên lắp ráp bình ắc quy VRLA số 5 do đơn vị chưa hạch toán kịp thời theo nguyên tắc kịp thời của Chuẩn mực kiểm toán số 01	440.324.957 đ
Kết chuyển giá trị công trình sửa chữa hệ thống phòng cháy chữa cháy đã bàn giao nghiệm thu đơn vị chưa ghi nhận theo nguyên tắc kịp thời của Chuẩn mực kế toán số 01	424.965.354 đ

<b>5 Chi phí trả trước dài hạn tăng</b>	<b>613.218.924 đ</b>
* <b>Tăng:</b>	<b>1.002.128.627 đ</b>
Phân bổ chi phí vận chuyển cho hàng tồn kho chưa xuất bán theo quy định theo nguyên tắc phù hợp của Chuẩn mực kế toán số 01	544.919.702 đ
Do đơn vị chưa ghi nhận chi phí sửa chữa thường xuyên hệ thống phòng cháy chữa cháy, cầu thang thoát hiểm tại Xí nghiệp Pin con Ó theo nguyên tắc kịp thời của Chuẩn mực kế toán số 01	360.929.479 đ
Phân bổ lại chi phí đăng ký nhãn hiệu theo thời gian bảo hộ theo quy định tại Điều f47 Thông tư 200/2014/TT_BTC	96.279.446 đ
* <b>Giảm:</b>	<b>388.909.703 đ</b>
Tăng TSCĐ là hệ thống tường lửa thế hệ mới do đủ điều kiện ghi nhận TSCĐ đủ điều kiện ghi nhận là TSCĐ theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC	388.909.703 đ
<b>NGUỒN VỐN TĂNG</b>	
<b>1 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tăng</b>	<b>1.633.315.835 đ</b>
- Do kết quả kiểm toán thay đổi (tăng thu nhập chịu thuế TNDN, tăng thuế TNDN)	<b>6.707.101.495 đ</b>
- Giải thích tại biểu thuế	504.488.677 đ
- Giải thích tại biểu thuế	6.202.612.818 đ
<b>2 Chi phí phải trả ngắn hạn giảm</b>	<b>1.994.500.000 đ</b>
Do chi phí mua bảo hộ lao động đơn vị thực hiện năm 2025 nhưng hạch toán vào năm 2024 theo quy định tại Điều 82 Thông tư 200/2014/TT-BTC	1.994.500.000 đ
<b>3 LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước giảm</b>	<b>6.053.958.022 đ</b>
Điều chỉnh số dư đầu kỳ của khoản thuế TNDN năm 2023 đơn vị ghi nhận vào năm 2024 theo nguyên tắc kịp thời của Chuẩn mực kiểm toán số 01	4.503.692.760 đ
Số tiền thuê đất của kỳ trước đơn vị chưa ghi nhận nghĩa vụ trên sổ kế toán nguyên tắc kịp thời của Chuẩn mực kiểm toán số 01	1.550.265.262 đ
<b>4 LNST chưa phân phối kỳ này tăng</b>	<b>2.974.672.362 đ</b>
* <b>Tăng:</b>	<b>6.521.647.470 đ</b>
Điều chỉnh số dư đầu kỳ của khoản thuế TNDN năm 2023 đơn vị ghi nhận vào năm 2024 theo nguyên tắc kịp thời của Chuẩn mực kiểm toán số 01	4.503.692.760 đ
- Do kết quả kiểm toán thay đổi	2.017.954.710 đ
* <b>Giảm:</b>	<b>3.546.975.108 đ</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành đơn vị chưa hạch toán theo nguyên tắc kịp thời của Chuẩn mực kiểm toán số 01 năm 2024 (chỉ điều chỉnh bút toán hạch toán, không điều chỉnh tăng thuế phải nộp do đơn vị đã kê khai nộp đủ)	3.546.975.108 đ

## 2. KIỂM TOÁN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2024

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	MS	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
A		1	2	3=2-1
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	3.849.053.470.231	3.849.053.470.231	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	643.644.957.630	643.644.957.630	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV (10=01-03)	10	3.205.408.512.601	3.205.408.512.601	-
4. Giá vốn hàng bán	11	2.789.371.367.492	2.787.490.123.253	(1.881.244.239)
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và CCDV (20=10-11)	20	416.037.145.109	417.918.389.348	1.881.244.239
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	46.165.881.107	46.165.881.107	-
7. Chi phí tài chính	22	60.191.383.332	60.191.383.332	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	41.936.668.219	41.936.668.219	-
8. Chi phí bán hàng	24	173.368.170.905	172.823.251.203	(544.919.702)
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	64.911.356.999	64.815.077.553	(96.279.446)
10. Lợi nhuận thuần từ HĐKD (30=20+(21-22)-(24+25))	30	163.732.114.980	166.254.558.367	2.522.443.387
11. Thu nhập khác	31	616.162.107	616.162.107	-
12. Chi phí khác	32	35.921.050	35.921.050	-
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	580.241.057	580.241.057	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	164.312.356.037	166.834.799.424	2.522.443.387
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	37.839.972.902	38.344.461.579	504.488.677
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	(154.586.622)	(154.586.622)	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	126.626.969.757	128.644.924.467	2.017.954.710
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	2.452	2.452	-

**\* Nguyên nhân chênh lệch:**

<b>1 Giá vốn hàng bán giảm</b>	<b>1.881.244.239 đ</b>
<b>* Tăng:</b>	<b>113.255.761 đ</b>
Phân bổ chi phí sửa chữa hệ thống phòng cháy chữa cháy, cầu thang thoát hiểm theo quy định tại Điều 47 Thông tư 200/2014/TT-BTC	64.035.875 đ
Khấu hao TSCĐ tương ứng tăng với phần nền đổ bê tông và mái che mái che tạm thuộc Dự án dây chuyền lắp ráp bình ắc quy VRLA số 5 theo quy định tại Điều 38 Thông tư 200/TT-BTC	49.219.886 đ
<b>* Giảm:</b>	<b>1.994.500.000 đ</b>
Do chi phí mua bảo hộ lao động đơn vị thực hiện năm 2025 nhưng hạch toán vào năm 2024 theo quy định tại Điều 82 Thông tư 200/2014/TT-BTC	1.994.500.000 đ
<b>2 Chi phí bán hàng giảm</b>	<b>544.919.702 đ</b>

Phân bổ chi phí vận chuyển cho hàng tồn kho chưa xuất bán theo quy định theo nguyên tắc phù hợp của Chuẩn mực kế toán số 01	544.919.702 đ
<b>3 Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm</b>	<b>96.279.446 đ</b>
Phân bổ lại chi phí đăng ký nhãn hiệu theo thời gian bảo hộ theo quy định tại Điều f47 Thông tư 200/2014/TT_BTC	96.279.446 đ
<b>4 Chi phí thuế TNDN hiện hành tăng</b>	<b>504.488.677 đ</b>
- Do doanh thu, chi phí thay đổi	504.488.677 đ
<b>5 Tổng lợi nhuận sau thuế tăng</b>	<b>2.017.954.710 đ</b>
- Do kết quả kiểm toán thay đổi	2.017.954.710 đ

### 3. KIỂM TOÁN THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NSNN ĐẾN 31/12/2024

#### 3.1. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

*Đơn vị tính: Đồng*

Chỉ tiêu	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
A	1	2	3=2-1
<b>I. Thuế</b>	-	1.105.372.448	1.105.372.448
1. Thuế GTGT	-	-	-
2. Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	-
3. Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	-
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-
5. Thuế thu nhập cá nhân	-	-	-
6. Thuế tài nguyên	-	-	-
7. Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	-
8. Các loại thuế khác	-	-	-
9. Các khoản phí lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	1.105.372.448	1.105.372.448
<b>II. Các khoản phải thu khác</b>	-	-	-
1. Các khoản phụ thu	-	-	-
2. Các khoản phí, lệ phí	-	-	-
3. Các khoản khác	-	-	-
<b>Tổng cộng = I + II</b>	-	1.105.372.448	1.105.372.448
<b>III. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	-	-	-

#### 2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

*Đơn vị tính: Đồng*

Chỉ tiêu	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
A	1	2	3=2-1
<b>I. Thuế</b>	7.810.222.761	14.517.324.256	6.707.101.495

1. Thuế GTGT hàng bán nội địa	746.663.469	746.663.469	-
2. Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	-
3. Thuế xuất, nhập khẩu	220.000	220.000	-
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.822.548.930	12.874.012.715	4.051.463.785
5. Thuế thu nhập cá nhân	622.684.332	622.684.332	-
6. Thuế bảo vệ môi trường	-	-	-
7. Thuế nhà đất và tiền thuê đất	(1.550.265.262)	-	1.550.265.262
8. Các loại thuế khác	273.743.740	273.743.740	-
9. Các khoản phí lệ phí và các khoản phải nộp khác	(1.105.372.448)	-	1.105.372.448
<b>II. Các khoản phải nộp khác</b>	-	-	-
1. Các khoản phụ thu	-	-	-
2. Các khoản phí, lệ phí	-	-	-
3. Các khoản khác	-	-	-
<b>Tổng cộng = I + II</b>	<b>7.810.222.761</b>	<b>14.517.324.256</b>	<b>6.707.101.495</b>
<b>III. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>	-	-	-

\* Nguyên nhân chênh lệch:

<b>THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC TĂNG</b>	<b>1.105.372.448 đ</b>
<b>1 Các khoản phí lệ phí và các khoản phải nộp khác tăng</b>	<b>1.105.372.448 đ</b>
Trình bày lại chỉ tiêu khi lập Báo cáo tài chính theo quy định tại Phụ lục 01 Thông tư 200/2014/TT-BTC	1.105.372.448 đ
<b>THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC TĂNG</b>	<b>6.707.101.495 đ</b>
<b>1 Thuế thu nhập doanh nghiệp tăng</b>	<b>4.051.463.785 đ</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành đơn vị chưa hạch toán theo nguyên tắc kịp thời của Chuẩn mực kiểm toán số 01 năm 2024 (chỉ điều chỉnh bút toán hạch toán, không điều chỉnh tăng thuế phải nộp do đơn vị đã kê khai nộp đủ)	3.546.975.108 đ
- Do doanh thu chi phí thay đổi (tăng lợi nhuận, tăng TNDN)	504.488.677 đ
<b>2 Thuế nhà đất và tiền thuê đất tăng</b>	<b>1.550.265.262 đ</b>
Số tiền thuê đất đơn vị chưa ghi nhận nghĩa vụ theo nguyên tắc kịp thời của Chuẩn mực kiểm toán số 01 trên sổ kế toán (chỉ trình bày lại báo cáo tài chính không điều chỉnh nghĩa vụ thuế do đơn vị đã kê khai nộp thuế)	1.550.265.262 đ
<b>3 Các khoản phí lệ phí và các khoản phải nộp khác tăng</b>	<b>1.105.372.448 đ</b>
Trình bày lại chỉ tiêu khi lập Báo cáo tài chính theo quy định tại Phụ lục 01 Thông tư 200/2014/TT-BTC	1.105.372.448 đ

## TỔNG HỢP KẾT QUẢ RÀ SOÁT TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN SẮP XẾP LẠI, XỬ LÝ NHÀ, ĐẤT TẠI CÔNG TY CP PIN ÁC QUY MIỀN NAM GIAI ĐOẠN 2018-2024

STT	Đơn vị	Tổng số cơ sở nhà đất doanh nghiệp đang quản lý, sử dụng	Số cơ sở nhà, đất thuộc phạm vi, đối tượng sắp xếp lại, xử lý theo quy định tại ND 167 và ND 67	Số cơ sở nhà, đất đã kê khai, báo cáo	Số cơ sở nhà, đất đã kiểm tra hiện trạng	Số cơ sở nhà, đất đã lập phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất	Số cơ sở nhà, đất đã gửi lấy ý kiến UBND cấp tỉnh	Số cơ sở nhà, đất đã được phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	<b>Tổng cộng</b>	7	5	5	5	5	5	-	
I	Công ty CP Pin Ác quy Miền Nam	7	5	5	5	5	5	-	Các cơ sở nhà đất không thuộc đối tượng sắp xếp bao gồm Khu đất tại VSIP Bắc Ninh (20.000 m2, thời hạn thuê đến 30/11/2057); khu đất tại Khu công nghiệp An Phước (85.457,9 m2, thời hạn thuê đến năm 2062). Các cơ sở nhà đất thuộc đối tượng sắp xếp nhưng chưa được phê duyệt phương án xử lý bao gồm: (1) tại Thành phố Hồ Chí Minh: thửa đất 21-23 Trần Hưng Đạo; thửa đất 321 Trần Hưng Đạo; thửa đất tại 752 Hậu Giang; thửa đất tại 1376 Võ Văn Kiệt; (2) tại thành phố Đà Nẵng: thửa đất tại 348 Điện Biên Phủ, phường Thanh Khê

**Ghi chú:**

- Tổng số cơ sở nhà đất, đơn vị, doanh nghiệp đang quản lý, sử dụng: Theo số liệu báo cáo của đơn vị